

Số: /BC-SNV

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 tỉnh Bình Phước

Ngày 12/4/2023, tại Hà Nội, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng (CECODES) công bố Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) 2023 ở Việt Nam.

Căn cứ kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022. Sở Nội vụ báo cáo kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2022 của tỉnh, như sau:

I. MỘT SỐ KHÁI QUÁT VỀ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CẤP TỈNH

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (*sau đây gọi là Chỉ số PAPI*) là sản phẩm của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam.

Chỉ số PAPI là công cụ phản ánh tiếng nói người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp. Chỉ số PAPI, gồm: 8 chỉ số lĩnh vực nội dung, 29 chỉ số nội dung thành phần và hơn 120 chỉ tiêu thành phần về hiệu quả quản trị và hành chính công của toàn bộ 63 tỉnh/thành phố.

Mục tiêu của Chỉ số PAPI nhằm góp phần cải thiện chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức công, đảm bảo quyền căn bản của con người, nhất là quyền được bày tỏ chính kiến, tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ công căn bản có chất lượng.

Năm 2022, có 16.117 người dân trên cả nước đã tham gia khảo sát PAPI, chia sẻ đánh giá về hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền. Trong đó: Tại tỉnh Bình Phước đã tiến hành khảo sát tại 12 ấp, khu phố của 06 xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Đồng Xoài, huyện Đồng Phú và thị xã Chơn Thành.

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2022 CỦA TỈNH

Theo kết quả công bố ngày 12/4/2023 tại Hà Nội, Chỉ số PAPI năm 2022 của tỉnh đạt 39,935/80 điểm đứng thứ 56/63 tỉnh, thành phố, giảm 08 bậc so với năm 2021. Trong đó: 01/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất là nội dung quản trị điện tử; 01/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao là tham gia của người dân ở cấp cơ sở; 01/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp là công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; 05/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, gồm: Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công, quản trị môi trường (*năm 2021 có 04/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất*). Có 03/8 Chỉ số nội dung có thứ hạng tăng (*Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Quản trị môi trường; Quản trị điện tử*); 05/8 Chỉ số nội dung có thứ hạng giảm (*Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định, Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công*), cụ thể như sau:

1. Chỉ số nội dung có thứ hạng tăng (03 Chỉ số)

1.1. Chỉ số nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Đạt 5,027/10 điểm (*tăng 0,661 điểm so với năm 2021*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước, đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố (*tăng 09 bậc so với năm 2021*).

Chỉ số nội dung này đo lường tri thức công dân về quyền tham gia và mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để người dân thực hành tốt nhất quyền tham gia đó theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 trước đây và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và được đánh giá, tổng hợp kết quả khảo sát của 04 chỉ số thành phần, gồm: Tri thức công dân; cơ hội tham gia; chất lượng bầu cử và đóng góp tự nguyện của người dân ở cơ sở.

Trong đó: Chỉ số thành phần chất lượng bầu cử đứng thứ 20/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần tri thức công dân đứng thứ 23/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần cơ hội tham gia đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đóng góp tự nguyện của người dân ở cơ sở đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố.

Theo kết quả khảo sát: Khoảng 40% số người trả lời biết đến một số chính sách, pháp luật liên quan đến người dân năm 2022; trên 50% số người trả lời cho biết họ được mời tham gia bầu chọn trưởng thôn/ấp/khu phố; trên 30% người trả lời đã tham gia đóng góp ý kiến cho dự án xây mới/tu sửa công trình công cộng ở địa phương; trên 25% người trả lời cho biết Ban giám sát đầu tư của cộng đồng đã giám sát việc thực hiện dự án xây mới/tu sửa công trình công cộng ở địa phương.

1.2. Chỉ số nội dung công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương

Đạt 4,144/10 điểm (*giảm 0,688 điểm so với năm 2021*), nằm trong

nhóm đạt điểm trung bình thấp của cả nước, đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố (tăng 12 bậc so với năm 2021).

Chỉ số nội dung này đo lường hiệu quả của chính quyền các cấp trong việc công khai hóa, minh bạch hóa thông tin nhằm đáp ứng “quyền được biết” của người dân về những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đời sống và sinh kế của họ và được đánh giá, tổng hợp kết quả khảo sát ở 04 Chỉ số thành phần: Tiếp cận thông tin; công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; công khai, minh bạch ngân sách cấp xã và công khai kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất. Đây là những lĩnh vực chính quyền các cấp phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Tiếp cận thông tin, nhằm đảm bảo quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Trong đó: Chỉ số công khai, minh bạch ngân sách cấp xã đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần tiếp cận thông tin đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số thành phần công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo đứng thứ 37/63 tỉnh, thành phố và Chỉ số thành phần công khai kế hoạch sử dụng đất, khung giá bồi thường thu hồi đất trong năm đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố.

Theo kết quả khảo sát: Đã có trên 60% số người được hỏi biết bảng kê thu, chi ngân sách ở xã, phường, thị trấn được niêm yết công khai; trên 10% số người được hỏi trả lời cần thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước cho biết đã nhận được thông tin họ cần và trên 10% cho biết thông tin nhận được là đáng tin cậy. Bên cạnh đó, mức độ tin tưởng của người dân vào việc lập danh sách hộ nghèo còn thấp, trên 35% người được hỏi cho biết có hộ thực sự nghèo nhưng không được liệt kê vào danh sách hộ nghèo và trên 30% số người được hỏi cho biết nhiều hộ không nghèo nhưng lại được liệt kê trong danh sách hộ nghèo. Tiếp cận thông tin đất đai của người dân còn rất hạn chế, chỉ có trên 15% số người được hỏi biết đến kế hoạch sử dụng đất năm 2022 ở địa phương; chỉ có trên 5% số người được hỏi cho biết giá bồi thường cho phần đất bị thu hồi sát với giá giao dịch đất trên thị trường (năm 2021 trên 20%).

1.3. Chỉ số nội dung quản trị điện tử

Đạt 3,398/10 điểm (tăng 0,132 điểm so với năm 2021), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất, đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố (tăng 02 bậc so với năm 2021).

Chỉ số được đo lường ở 3 Chỉ số thành phần, gồm: Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương, tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương và phúc đáp qua công thông tin điện tử. Chỉ số cho biết đánh giá của người dân ở các khía cạnh mang tính tương tác của chính phủ điện tử: Mức độ sẵn có, khả năng sử dụng dịch vụ và đáp ứng dịch vụ công trực tuyến. Các tiêu chí cấu thành Chỉ số nội dung này giúp cung cấp thông tin về độ sẵn có của công thông tin điện tử của chính quyền địa phương, mức độ tiếp cận thông tin về quy trình, thủ tục, chính sách người dân cần tuân thủ và điều kiện sử dụng Internet của người dân - môi trường thiết yếu để người dân tham gia quản trị điện tử. Những dữ liệu cơ sở giúp các cấp chính quyền xem xét điều kiện khả thi cho việc phát triển

chính quyền điện tử, hướng tới xây dựng chính quyền chủ động tương tác với người dân qua nền tảng Internet trong cả ba khâu: xây dựng, thực thi và giám sát thực thi chính sách.

Chỉ số nội dung này được người dân đánh giá cao so với các tỉnh, thành phố. Trên 85% người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà, trên 60% người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet. Chỉ số thành phần phúc đáp qua cổng thông tin điện tử đứng thứ 04/63 tỉnh, thành phố; tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố và Chỉ số thành phần sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương đứng thứ 38/63 tỉnh, thành phố.

2. Chỉ số nội dung có thứ hạng giảm (05 Chỉ số)

2.1. Chỉ số nội dung trách nhiệm giải trình với người dân

Đạt 4,002/10 điểm (*giảm 0,173 điểm so với năm 2021*) nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố (*giảm 17 bậc so với năm 2021 và từ nhóm đạt điểm trung bình thấp năm 2021 xuống nhóm đạt điểm thấp nhất năm 2022*).

Chỉ số nội dung này đo lường hiệu quả của các cuộc tiếp xúc công dân của các cấp chính quyền; tính chủ động của công dân và chính quyền trong việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đánh giá mức độ tin tưởng của người dân vào tòa án và cơ quan tư pháp địa phương, việc tiếp cận tòa án hoặc các cơ chế phi tòa án khi người dân cần giải quyết các tranh chấp dân sự. Chỉ số nội dung này được đánh giá tổng hợp kết quả khảo sát của 03 Chỉ số thành phần: Tương tác với các cấp chính quyền; giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân và tiếp cận dịch vụ tư pháp.

Trong đó: Chỉ số tại thành phần giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 17/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần tiếp cận dịch vụ tư pháp đứng thứ 51/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần tương tác với các cấp chính quyền đứng thứ 58/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 43/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Trên 20% số người trả lời đã liên hệ trường thôn/ấp/khu phố để giải quyết khúc mắc; 15% số người được hỏi trả lời đã liên hệ cán bộ UBND xã/phường/thị trấn để giải quyết khúc mắc và trên 4% trả lời đã liên hệ cán bộ HĐND xã/phường/thị trấn để giải quyết khúc mắc; trên 15% số người trả lời đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền địa phương và có trên 10% cho biết đã được chính quyền phúc đáp thỏa đáng; trên 60% người trả lời cho biết họ sẽ sử dụng tòa án địa phương khi cần giải quyết tranh chấp dân sự và chỉ có trên 15% người trả lời cho biết họ sẽ sử dụng các cơ chế phi tòa án để giải quyết tranh chấp dân sự

Như vậy, từ kết quả khảo sát cho thấy, khi có khúc mắc, người dân có xu hướng tiếp cận trường thôn/ấp/khu phố. Bên cạnh đó, khi có khúc mắc, người dân có xu hướng tiếp cận cán bộ, công chức UBND xã/phường/thị trấn hơn đại biểu dân

cử của họ ở HĐND xã/phường/thị trấn. Kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo và đề xuất của công dân chưa cao, khoảng cách giữa tỉ lệ gửi đơn thư và tỉ lệ hài lòng với phúc đáp của chính quyền còn thấp. Hơn thế nữa, các cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự phi tòa án chưa được người dân tin tưởng, tỉ lệ người trả lời cho biết họ sẽ giải quyết tranh chấp dân sự ở tòa án địa phương cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ người lựa chọn giải quyết qua các thiết chế phi tòa án, ví dụ như qua các tổ hòa giải và những yếu tố trên dẫn đến Chỉ số nội dung này có thứ hạng giảm mạnh.

2.2. Chỉ số nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Đạt 5,971/10 điểm (*giảm 0,464 điểm so với năm 2021*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất của cả nước, đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (*giảm 12 bậc so với năm 2021*).

Chỉ số nội dung này đo lường cảm nhận và trải nghiệm của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của các cấp chính quyền. Đồng thời, phản ánh mức độ chịu đựng tham nhũng của người dân cũng như sự quyết tâm giảm thiểu tham nhũng của chính quyền và người dân qua 04 Chỉ số thành phần, gồm: Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương; kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công và quyết tâm chống tham nhũng.

Trong đó, Chỉ số thành phần: Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố; công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố; quyết tâm chống tham nhũng đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố và Chỉ số kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương đứng thứ 58/63 tỉnh, thành phố.

Theo kết quả khảo sát: Vẫn còn người dân nhận định khi muốn xin vào làm việc vào khu vực nhà nước ở xã/phường/thị trấn phải dựa vào mối quan hệ thân quen, Chỉ có trên 35% số người trả lời cho rằng chính quyền địa phương đã nghiêm túc trong phòng, chống tham nhũng; có tới 60% số người trả lời cho rằng làm thủ tục hành chính xin cấp mới hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã phải chung chi để làm xong thủ tục và trên 40% số người trả lời cho rằng sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở bệnh viện công tuyến huyện cho biết họ đã chung chi. Về việc người dân có sẵn sàng tố giác hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức hay không, kết quả khảo sát năm 2022 cho thấy, người dân chỉ bắt đầu tố giác khi số tiền bị vòi vĩnh lên tới khoảng từ 35 triệu VNĐ trở lên. Các kết quả đánh giá trên dẫn đến Chỉ số nội dung này có thứ hạng giảm.

2.3. Chỉ số nội dung thủ tục hành chính công

Đạt 7,078/10 điểm (*giảm 0,049 điểm so với năm 2021*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố (*giảm 17 bậc so với năm 2021*).

Chỉ số nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công ở những lĩnh vực cần thiết nhất cho đời sống của người dân, bao gồm: dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cơ sở; dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; dịch vụ hành chính công cấp xã. Qua các chỉ tiêu đánh giá, các cấp chính quyền có thể đánh giá mức độ chuyên nghiệp và khả năng đáp

ứng yêu cầu của người dân đối với dịch vụ hành chính công.

Chỉ số nội dung này Chỉ số và thứ hạng đều giảm so với năm 2021. Tuy nhiên, Chỉ số thành phần thủ tục hành chính cấp xã được người dân đánh giá cao, đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 20/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cơ sở đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố và Chỉ số dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người dân đánh giá thấp đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 43/60 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Đã có trên 95% người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong thủ tục cấp xã; trên 25% người dân đã làm thủ tục lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền; trên 55% người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong các thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát vẫn còn người trả lời chưa hài lòng với dịch vụ hành chính liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cấp huyện và điều này dẫn đến Chỉ số có thứ hạng giảm.

2.4. Chỉ số nội dung cung ứng dịch vụ công

Đạt 6,413/10 điểm (*giảm 0,848 điểm so với năm 2021*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 63/63 tỉnh, thành phố (*giảm 08 bậc so với năm 2021*).

Chỉ số nội dung này tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 04 dịch vụ công căn bản cho người dân, gồm: Y tế công lập; giáo dục tiểu học công lập; cơ sở hạ tầng căn bản; an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư. Thông qua khảo sát người dân chia sẻ trải nghiệm về mức độ thuận tiện khi sử dụng dịch vụ công, chất lượng và mức độ sẵn có của các dịch vụ công căn bản ở địa phương.

Nhìn chung các Chỉ số thành phần tại nội dung này người dân đánh giá chưa cao so với các tỉnh, thành phố dẫn đến thứ hạng giảm và đứng ở vị trí thấp so với các tỉnh, thành phố, cụ thể: Chỉ số thành phần dịch vụ Y tế công lập đứng thứ 60/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần dịch vụ giáo dục tiểu học công lập đứng thứ 63/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 47/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số cơ sở hạ tầng căn bản đứng thứ 51/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 44/63 tỉnh, thành phố*) và Chỉ số thành phần an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Khi được hỏi về chất lượng về giáo dục tiểu học công lập số người được hỏi đánh giá chưa cao (*như: Lớp học kiên cố, nhà vệ sinh sạch sẽ, học sinh có nước uống ở trường, lớp học dưới 36 học sinh, giáo viên không ưu ái học sinh học thêm, phụ huynh thường xuyên nhận được phản hồi, nhà trường công khai thu chi với phụ huynh học sinh*). Bên cạnh đó, đánh giá của người dân về chất lượng bệnh viện công lập tuyến huyện cũng chưa cao (*như: Người bệnh có phải nằm chung giường, phòng bệnh có quạt máy, nhà vệ sinh sạch sẽ, cán bộ y tế trực thường xuyên, thái độ phục vụ bệnh nhân tốt, chi phí khám chữa bệnh hợp lý, không phải chờ đợi quá lâu, hài lòng với dịch vụ y tế tại bệnh viện....*). Trên 45% người được hỏi cho biết hộ gia đình không bị

cắt/cúp điện trong 12 tháng qua; việc thu gom rác thải của chính quyền địa phương chưa được thường xuyên; trên 25% người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính, vẫn còn 0,73% người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước chưa hợp vệ sinh. Về an ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư theo đánh giá của người dân, tại tỉnh vẫn còn người dân là nạn nhân của tội phạm an ninh, trật tự khu dân cư.

2.5. Chỉ số nội dung quản trị môi trường

Đạt 2,902/10 điểm (*tăng 0,015 điểm so với năm 2021*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố (*giảm 02 bậc so với năm 2021*).

Chỉ số nội dung này tập trung đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 03 dịch vụ công, gồm: Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường, chất lượng không khí, chất lượng nước. Nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về những vấn đề môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe con người. Các chỉ tiêu đánh giá hiện nay bao gồm tỉ lệ người trả lời cho biết về chất lượng không khí và chất lượng nguồn nước sinh hoạt nơi cư trú. Bên cạnh đó là chỉ tiêu phản ánh phát hiện của người dân về hiện tượng dự án hoặc doanh nghiệp đầu tư vào địa phương có trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường bằng cách ‘chung chi’ với chính quyền địa phương hay không. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới nhiều xung đột, mâu thuẫn giữa người dân và doanh nghiệp hoặc nhà nước xung quanh vấn đề môi trường trong những năm gần đây. Những chỉ tiêu đánh giá này giúp các cấp chính quyền hiểu rõ hơn mối quan ngại về vấn đề môi trường của người dân qua thời gian, đồng thời xác định những “điểm nóng” về môi trường và tìm các giải pháp xử lý kịp thời các điểm nóng đó.

Tại Chỉ số nội dung này, Chỉ số thành phần nghiêm túc trong bảo vệ môi trường đã được cải thiện đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần chất lượng nước đứng thứ 50/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 44/63 tỉnh, thành phố*); Chỉ số thành phần chất lượng không khí đứng thứ 63/63 tỉnh, thành phố (*năm 2021 đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố*).

Theo kết quả khảo sát: Khoảng trên 50% người trả lời đồng ý với nhận định “Doanh nghiệp hoạt động tại địa phương không đưa ‘lót tay’ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường”, trên 60% số người trả lời cho biết cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố/vấn đề môi trường được thông báo và trên 70% người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá. Bên cạnh đó, trên 80% người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt, chỉ có trên 25% người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước. Chất lượng nguồn nước người dân đánh giá chưa cao.

Việc thiếu nghiêm túc trong thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương và chất lượng nguồn nước sinh hoạt, chất lượng không khí là lý do chính dẫn tới Chỉ số ở nội dung này của tỉnh còn rất thấp và từ kết quả này cho thấy mối lo ngại về vấn đề môi trường, chất lượng nguồn

nước sinh hoạt, chất lượng không khí của người dân qua thời gian.

III. NHẬN XÉT CHUNG

Trong năm qua công tác cải cách hành chính nhà nước được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành để triển khai thực hiện cải cách hành chính. Trong đó, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số... Nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thông thoáng phục vụ ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 25/6/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Từ kết quả Chỉ số cho thấy một số Chỉ số nội dung tăng so với năm 2021, cụ thể: Chỉ số tham gia của người dân ở cấp cơ sở đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố (*tăng 09 bậc so với năm 2021*); Chỉ số nội dung công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố (*tăng 12 bậc so với năm 2021*); Chỉ số nội dung quản trị điện tử đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố (*tăng 02 bậc so với năm 2021*).

Mặc dù được quan tâm triển khai thực hiện, nhưng kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh giảm 08 bậc so với năm 2021 và vẫn còn 05/8 Chỉ số nội dung nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất, gồm: Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công, quản trị môi trường.

Một số nguyên nhân dẫn đến Chỉ số PAPI thấp

- Thứ nhất, công tác tuyên truyền chưa được đẩy mạnh, người dân chưa cảm nhận được những nỗ lực của các cấp chính quyền trong cải cách hành chính.

- Thứ hai, một bộ phận người dân chưa quan tâm nhiều đến thông tin về chính trị, kinh tế - xã hội, các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính hoặc một số trường hợp người phỏng vấn là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa khả năng nắm bắt, tiếp cận thông tin còn hạn chế... nên khi phỏng vấn thông tin cung cấp chưa được chính xác đầy đủ... dẫn đến Chỉ số đánh giá chưa cao.

- Thứ ba, tinh thần, thái độ của một số cán bộ, công chức thực thi công vụ thường xuyên giao tiếp với nhân dân vẫn còn hạn chế, chưa đúng với tinh thần vì nhân dân phục vụ vẫn còn tình trạng “gây khó dễ”, “những nhiều”, điều này ảnh hưởng đến niềm tin, việc nhận định, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và kết quả Chỉ số PAPI của tỉnh.

- Thứ tư, vấn đề môi trường được người dân quan tâm vì những vấn đề môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe con người do đó người dân luôn lo ngại vấn đề ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Thứ năm, năm 2022 tại tỉnh đã tiến hành khảo sát tại 12 ấp, khu phố của 06 xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Đồng Xoài, huyện Đồng Phú và thị xã Chơn Thành là 03 địa phương năm 2022 có nhiều biến động về đất.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ

Đề tập trung cải thiện và tạo chuyển biến mạnh mẽ môi trường kinh doanh của tỉnh, làm cho người dân, tổ chức cảm nhận tích cực hơn về sự phục vụ của chính quyền tỉnh, từ đó cải thiện Chỉ số PAPI một cách bền vững.

Sở Nội vụ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đề cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức hàng năm; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

2. Thực hiện hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

3. Căn cứ kết quả phân tích Chỉ số PAPI tại Báo cáo này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát những nội dung, chỉ số thành phần theo tiêu chí tại cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương phân tích thực hiện ngay các biện pháp cụ thể khắc phục điểm yếu, những nội dung Chỉ số thành phần người dân đánh giá thấp, chưa hài lòng để cải thiện Chỉ số cho năm 2023.

Riêng đối với 03 địa phương: Thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú được khảo sát năm 2022 căn cứ vào kết quả Chỉ số phân tích những mặt làm được, những mặt còn yếu kém đưa ra giải pháp khắc phục nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân tổ chức. Đặc biệt, thành lập đoàn kiểm tra những bất cập, những thiếu sót mà Chỉ số chỉ ra và báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10/5/2023.

4. Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, hạn chế mức thấp nhất hồ sơ giải quyết trễ hạn cho người dân tổ chức, thực hiện nghiêm việc thông tin trước về tình trạng hồ sơ trễ hạn để người dân không phải đi lại nhiều lần và có thư xin lỗi người dân, tổ chức khi trễ hồ sơ TTHC trễ hạn giải quyết.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lễ l貌 làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ, đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước bằng nhiều hình thức, phương tiện thông tin đại chúng tại cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt các nội dung liên quan đến Chỉ số Papi.

7. Trách nhiệm cải thiện điểm số PAPI tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể:

7.1. Với Chỉ số nội dung Tham gia của người dân ở cấp cơ sở:

UBND các cấp nhất là UBND các xã, phường, thị trấn:

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cộng đồng dân cư, đảm bảo người dân hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo hướng đi vào thực chất, góp phần xây dựng chính quyền cơ sở dân chủ, trong sạch, vững mạnh.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia, nhất là các nội dung như: Vận động nhân dân tự nguyện tham gia, đóng góp kinh phí xây mới, sửa chữa công trình công cộng...; công khai các khoản đóng góp tự nguyện theo quy định, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch...

7.2. Với Chỉ số nội dung Công khai, minh bạch

- Sở Tư pháp tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch đã được phê duyệt. Theo dõi, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương, đa dạng hóa các hình thức công khai chính sách, pháp luật hiện hành để người dân có cơ hội tiếp cận các thông tin chính sách pháp luật.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội theo đúng quy trình, thủ tục quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tăng cường chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư,... Kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...; Tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách về đất đai còn bất cập để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

- UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công khai, minh bạch theo Pháp lệnh dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật Đất đai, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Tiếp cận thông tin nhằm đảm bảo “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

7.3. Với Chỉ số nội dung Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành

phổ, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị chú trọng triển khai, bám sát theo Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định về trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ. Cụ thể hóa việc thực hiện nhiệm vụ giải trình trong nội quy, quy chế làm việc; chỉ đạo, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình trước Nhân dân;

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo quy định, ban hành quy chế hoạt động, công khai nội quy, lịch tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân, trên Trang Thông tin điện tử của địa phương; chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai nghiêm túc trách nhiệm giải trình trong nội dung nội quy, quy chế làm việc tại cơ quan; người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm gương mẫu, đôn đốc, kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức.

- Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan nhà nước.

7.4. Với Chỉ số nội dung Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

- Thanh tra tỉnh thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công khai, minh bạch về tuyển dụng công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước đảm bảo theo quy định pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, đảm bảo tuyển dụng được những người có năng lực vào làm việc trong các cơ quan nhà nước.

7.5. Với Chỉ số nội dung Thủ tục hành chính công

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số dịch vụ công trên địa bàn.

- UBND các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh giải quyết tốt các TTHC trên các lĩnh vực liên quan đến người dân như: Chứng thực, xác nhận của chính quyền, đất đai, cấp giấy phép xây dựng, các thủ tục hành chính cấp xã...; tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đã được quy định trong khâu hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Thực hiện niêm yết công khai các TTHC đã được UBND tỉnh công bố tại trụ sở, trên Trang thông tin điện tử địa phương và

tại nơi đông người (nhà văn hóa cộng đồng, ...). Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hạn hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân; xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, những nhiều, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ công do UBND cấp xã cung cấp để nâng cao chất lượng phục vụ; tăng cường theo dõi, giám sát hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

7.6. Với Chỉ số nội dung Cung ứng dịch vụ công

- Sở Y tế chủ trì triển khai các giải pháp cụ thể, đồng bộ nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của ngành, cải tiến quy trình khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin ngành y tế nhằm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC. Tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực ngành y tế, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống Bệnh viện công lập tuyến cấp huyện.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức. Tiếp tục rà soát lại toàn bộ trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Công an tỉnh chủ trì triển khai các giải pháp giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư thông qua triển khai thực hiện nghiêm túc các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự; không để xảy ra các hoạt động côn đồ và các loại tội phạm mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7.7. Với Chỉ số nội dung Quản trị môi trường

- Các cấp chính quyền quan tâm hơn đến chất lượng nguồn nước và không khí để có những hành động kịp thời, trong đó cần huy động người dân tham gia cải thiện điều kiện môi sinh tại khu dân cư.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các hành vi không tuân thủ cam kết bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trên địa bàn. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường để chủ động trong công tác kiểm soát, cảnh báo chất lượng môi trường không khí.

7.8. Với Chỉ số nội dung Quản trị điện tử

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu nâng cao hiệu quả xây dựng chính quyền số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử. Bổ sung các tiện ích phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công tỉnh; có giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ kê khai hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nộp trực tuyến được dễ dàng thuận lợi.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các cấp trong việc khai thác tìm hiểu những chính sách, pháp luật của tỉnh, của các địa phương.

7.9. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước chịu trách nhiệm tuyên truyền về các nội dung, nội dung thành phần của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh.

8. Thủ trưởng các cấp, các ngành tăng cường trách nhiệm trong điều hành, thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo khắc phục ngay những nguyên nhân, tồn tại, hạn chế, thực hiện tốt hơn 08 nội dung Chỉ số PAPI để đạt kết quả cao trong năm 2022. Báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/5/2023.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với UBND tỉnh trong việc nâng cao Chỉ số PAPI. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc khảo sát PAPI tại tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đài PT - TH và Báo Bình Phước;
- Trường Chính trị tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thị Bé Năm